

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN Đ  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2021/HS-ST

Ngày: 16-3-2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH LÂM ĐỒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trịnh Văn Hùng

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1/ Ông Nguyễn Thành Lực

2/ Bà Đinh Thị Phúc

*Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Tấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 07/2021/TLST-HS ngày 04 tháng 02 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2021/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 3 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Trần Văn T, sinh năm 1993; nơi sinh: Đồng Nai; nơi ĐKNKTT: Ấp 4, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần N (đã chết); con bà: Nguyễn Thị T, sinh năm 1963; Gia đình có 03 chị em, lớn nhất sinh năm 1988, nhỏ nhất là bị cáo; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/11/2020 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Đ. Có mặt

2. Hà Văn Đ, sinh năm 1994; nơi sinh: Nghệ An; nơi ĐKNKTT: Thôn Hưng Thành, xã T S, huyện A S, tỉnh Nghệ An; chỗ ở hiện nay: Ô14-DC08, đường D16, khu dân cư Việt Sing, khu phố 4, phường A P, thị xã T A, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hà Văn Ph, sinh năm 1966; con bà: Lê Thị H, sinh năm 1966; Gia đình có 03 chị em, lớn nhất sinh năm 1990, nhỏ nhất là bị cáo; vợ: Hồ Thị Lý, sinh năm 1991, con: có 01 con sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/11/2020 đến ngày 28/01/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp bảo lãnh, hiện nay bị cáo đang được tại ngoại. Có mặt

***\* Bị hại:***

- Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1970; Trú tại: 447 Quốc lộ 20, tổ 6, thôn Định An, xã H A, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt

- Bà Cao Thị Lan Anh, sinh năm 2000; Trú tại: Thôn M Răng, xã L L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1989

Trú tại: 292/6 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường 25, quận B T, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt

- Ông Nguyễn Thành Tr, sinh năm 1994

Trú tại: thôn Định An, xã H A, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt

- Ông Nguyễn Phú V, sinh năm 1989

Trú tại: 44/6 Hùng Vương, phường 9, thành phố Đ L, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt

- Ông Voòng Hồng Ph, sinh năm 1987

Trú tại: 503 Quốc lộ 20, thị trấn L N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn T và Hà Văn Đ là hai đối tượng sống lang thang tại thành phố Đ L, tỉnh Lâm Đồng. Do không có nghề nghiệp ổn định nên T và Đ bàn bạc thống nhất đi trộm cắp xe máy của người khác để bán lấy tiền chia nhau tiêu xài. Cụ thể T và Đ đã thực hiện hai vụ trộm cắp tài sản như sau:

- Vụ thứ nhất: Vào khoảng 12 giờ ngày 01/11/2020, Trần Văn T bàn với Hà Văn Đ bắt xe bus đi từ thành phố Đ L đến huyện Đ tìm tài sản trộm cắp Đ đồng ý. Khi xe đi đến gần nhà ông Nguyễn Ngọc T tại số nhà 447, thôn Định An, xã Hiệp An, huyện Đ cả hai xuống xe, đi bộ vào sân nhà ông T phát hiện có hai xe máy ở trước sân, trên xe có chìa khóa, không có người trông coi. T có hành vi lén lút mở khóa xe máy hiệu Yamaha Jupiter biển kiểm soát: 49 P2 – 0922, còn Đức nổ máy xe hiệu Yamaha Sirius biển kiểm soát số: 49E1 – 145.03 (hai xe đứng tên ông T) chạy về thành phố Đ L. Sau đó cả hai cùng bàn nhau bán xe máy hiệu Yamaha Jupiter biển kiểm soát: 49P2 – 0922 cho một tiệm sửa xe máy (không xác định địa chỉ) ở đường Phù Đồng Thiên Vương, thành phố Đ L với giá 1.000.000đ. Vào ngày 02/11/2020 ông Nguyễn Phú V sinh năm 1989, HKTT: Trung Nghĩa Tây, Kroong, Komtum tạm trú tại thành phố Đ L mua lại xe máy trên của một người thanh niên (không rõ lai lịch) trên Facebook với giá 3.300.000đ.

Quá trình điều tra bằng biện pháp nghiệp vụ Cơ quan điều tra xác định ông Nguyễn Phú V là người mua xe máy trên, ngày 04/11/2020 ông V đã giao nộp xe máy trên cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ L.

Theo kết luận định giá số: 118/2020/KL/HĐĐG ngày 09/11/2020, xe máy biển kiểm soát số: 49P2 – 0922 có giá 4.410.000đ và chiếc xe máy biển số: 49E1 – 145.03 có giá 4.120.000đ. Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 8.530.000đ.

- Vụ thứ hai: Khoảng 15 giờ ngày 02/11/2020, T điều khiển xe máy biển kiểm soát số: 49E1 – 145.03 chở Đức đến huyện Đ D để trộm cắp xe máy. Khi xe đi đến nhà chị Cao Thị Lan A, địa chỉ: thôn M Răng, xã Lạc Lâm, huyện Đ D phát hiện xe máy hiệu Honda Wave Alpha biển kiểm soát 59S2 – 174.44 (xe đứng tên Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm: 1989, HKTT: 292/6, Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường 25, quận B T, TP. Hồ Chí Minh) dựng trước sân không có người trông coi, trên xe có cắm chìa khóa. T dừng xe trước nhà Đ đi bộ vào sân lên lút nỏ máy xe chạy về tiệm sửa xe của anh Voòng Hồng Ph, sinh năm: 1987, địa chỉ: Số 42, Lê Thánh Tôn, thị trấn L N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng bán với giá 2.700.000đ. Ngày 03/11/2020 ông Ph bán xe trên cho Nguyễn Quốc T, sinh năm: 1993, địa chỉ: Số 52, Bạch Đằng, thị trấn L N, huyện Đ với giá 3.800.000đ. Cùng ngày T bán xe trên cho một người đàn ông (không rõ lai lịch) với giá 4.100.000đ nên xe máy trên không thu hồi được.

Theo kết luận định giá số: 73/2020/KL/HĐĐGTS ngày 11/11/2020, xác định xe biển kiểm soát 59S2 – 174.44 trị giá 7.594.380.đ.

Sau khi bị mất tài sản ông Nguyễn Ngọc T, chị Cao Thị Lan A đã trình báo cơ quan điều tra, lực lượng Công an đã tiến hành xác minh xác định T, Đ thực hiện hành vi nên triệu tập đến làm việc. Tại cơ quan điều tra T, Đ khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Vật chứng thu giữ trong vụ án: 01 một đôi giày vải màu xanh đen, 01 quần dài Jean màu đen, 01 áo khoác da màu xám đen, một mũ len màu nâu thu giữ của Hà Văn Đ. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ chuyển Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ xử lý theo thẩm quyền.

Cáo trạng số 16/CT-VKS ngày 01 tháng 02 năm 2021 Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố các bị cáo Trần Văn T, Hà Văn Đ về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên cáo trạng truy tố đối với các bị cáo Trần Văn T, Hà Văn Đ về tội “*Trộm cắp tài sản*” và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 để xử phạt bị cáo Trần Văn T từ 06 đến 09 tháng tù. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 để xử phạt bị cáo Hà Văn Đ từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng.

Tại phiên tòa các bị cáo Trần Văn T, Hà Văn Đ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét về hoạt động điều tra, truy tố của điều tra viên, kiểm sát viên thì thấy rằng trong quá trình điều tra, truy tố, điều tra viên, kiểm sát viên đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, không ai có ý kiến thắc mắc hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng. Như vậy, các cơ quan tiến hành tố tụng, những người tiến hành tố tụng thực hiện đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo Trần Văn T, Hà Văn Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, cụ thể như sau: Do không có việc làm ổn định và không có tiền tiêu xài nên bị cáo Trần Văn T đã rủ rê bị cáo Hà Văn Đ cùng trộm cắp xe máy của người khác để bán lấy tiền tiêu xài, cụ thể các bị cáo đã cùng nhau thực hiện hành vi trộm cắp tài sản như sau:

- Vụ thứ nhất: Vào khoảng 12 giờ ngày 01/11/2020, các bị cáo Trần Văn T, Hà Văn Đ trộm cắp chiếc xe máy hiệu Yamaha Jupiter biển kiểm soát: 49P2 – 0922 và chiếc xe máy hiệu Yamaha Sirius biển kiểm soát số: 49E1 – 145.03 của ông Nguyễn Ngọc T, tại số nhà 447, thôn Định An, xã H A, huyện Đ.

Theo kết luận định giá số: 118/2020/KL/HĐĐG ngày 09/11/2020, xe máy biển kiểm soát số: 49P2 – 0922 có giá 4.410.000đ và chiếc xe máy biển số: 49E1 – 145.03 có giá 4.120.000đ. Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 8.530.000đ.

- Vụ thứ hai: Vào khoảng 15 giờ ngày 02/11/2020, bị cáo T và bị cáo Đ điều khiển xe máy biển kiểm soát số: 49E1 – 145.03 đến huyện Đ D để trộm cắp chiếc xe máy biển kiểm soát 59S2 – 174.44 (xe đứng tên Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm: 1989, HKTT: 292/6, Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường 25, quận B T, TP. Hồ Chí Minh) của chị Cao Thị Lan A, địa chỉ: thôn M’Răng, xã Lạc Lâm, huyện Đ D phát hiện xe máy hiệu Honda Wave Alpha biển kiểm soát 59S2 – 174.44 (xe đứng tên Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm: 1989, HKTT: 292/6, Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường 25, quận B T, TP. Hồ Chí Minh).

Theo kết luận định giá số: 73/2020/KL/HĐĐGTS ngày 11/11/2020, xác định xe biển kiểm soát 59S2 – 174.44 trị giá 7.594.380.đ.

Như vậy, tổng giá trị tài sản các bị cáo chiếm đoạt là 16.124.380 đồng.

Xét thấy lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo Trần Văn T, Hà Văn Đ đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3] Xét tính chất mức độ và hành vi phạm tội của các bị cáo Trần Văn T, Hà Văn Đ là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, các bị cáo biết rõ tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật thừa nhận và bảo vệ, nhưng do lười lao động và muốn có tiền tiêu xài nên bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của người khác trong việc trông coi tài sản và thực hiện

hành vi trộm cắp tài sản với tổng giá trị tài sản là 16.124.380 đồng. Hành vi phạm tội của các bị cáo làm ảnh hưởng đến trật tự, trị an, an toàn xã hội, gây hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần phải có một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo.

[4] Xem xét về vai trò, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

- Về vai trò của các bị cáo: Trong vụ án các bị cáo Trần Văn T, Hà Văn Đ cùng nhau thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Sau 02 lần trộm cắp tài sản các bị cáo bán tài sản trộm cắp được 3.700.000đ, các bị cáo chia nhau mỗi người 1.800.000đ. Bị cáo T sử dụng để tiêu xài cá nhân hết, còn bị cáo Đ sử dụng 1.500.000đ để gửi cho vợ đóng học cho con còn lại 300.000đ bị cáo sử dụng tiêu xài cá nhân. Tuy nhiên, bị cáo Trần Văn T là người chủ mưu, khởi xướng, rủ rê bị cáo Hà Văn Đ thực hiện hành vi trộm cắp để bán lấy tiền tiêu xài nên bị cáo T giữ vai trò chính trong vụ án và phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn bị cáo Đ.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Trần Văn T, Hà Văn Đ 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản với tổng giá trị tài sản là 16.124.380 đồng nên cần áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội nhiều lần quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo là đúng pháp luật.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội các bị cáo Trần Văn T, Hà Văn Đ đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội các bị cáo đã tác động đến gia đình để bồi thường khắc phục hậu quả cho phía bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và được bị hại bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 cho các bị cáo khi lượng hình.

[5] Từ những phân tích nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy cần cách ly bị cáo Trần Văn T ra khỏi xã hội một thời gian để bị cáo nhận thức hành vi phạm tội của mình và mang tính răn đe, giáo dục phòng ngừa chung, đồng thời thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật. Đối với bị cáo Hà Văn Đ có nhiều tiết giảm nhẹ, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nên không nhất thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà áp dụng thêm Điều 65 Bộ luật hình sự, cho bị cáo được hưởng án treo, giao bị cáo cho gia đình và chính quyền địa phương theo dõi, giáo dục cũng đủ tác dụng cải tạo giáo dục riêng bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại ông Nguyễn Ngọc T đã được nhận lại tài sản và bà Cao Thị Lan A đã được các bị cáo bồi thường số tiền 12.000.000đ là giá trị chiếc xe bị mất và không ai có ý kiến yêu cầu gì thêm.

Đối với ông Nguyễn Phú V là người đã mua lại chiếc xe do các bị cáo trộm cắp với giá 3.300.000đ, anh V đã được các bị cáo trả lại số tiền 3.300.000đ, tại phiên tòa anh V không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, truy tố đã thu giữ được các vật chứng gồm 01 một đôi giày vải màu xanh đen, 01 quần dài Jean màu đen, 01 áo khoác da màu xám đen, một mũ len màu nâu thu giữ của Hà Văn Đ xét thấy đây là tài sản cá nhân của bị cáo Đ nên cần hoàn trả cho bị cáo Đ là phù hợp.

[8] Đối với tiệm sửa xe máy (không xác định được địa chỉ) mua lại xe Yamaha Jupiter biển kiểm soát: 49 E P2 – 0922 và người thanh niên (không rõ lai lịch) bán xe máy cho Nguyễn Phú V chưa xác minh được nên không có căn cứ xử lý.

Đối với ông Voòng Hồng Ph là người mua xe máy biển số 59S2 – 174.44, do ông Phu không biết tài sản trên do trộm cắp mà có nên không có căn cứ xử lý.

Đối tượng mua xe máy hiệu Honda Wave Alpha biển kiểm soát 59S2 – 174.44 (xe đứng tên Nguyễn Thị Mỹ D sinh năm: 1989, HKTT: 292/6, xô viết Nghệ Tĩnh, phường 25, quận B T, TP. Hồ Chí Minh), quá trình điều tra chưa xác định được nhân thân lai lịch và chưa thu hồi tài sản được cơ quan điều tra đã tách ra tiếp tục xác minh, xác định được xử lý sau nên không xem xét.

[9] Về án phí: Buộc các bị cáo Trần Văn T, Hà Văn Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố bị cáo Trần Văn T, Hà Văn Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Trần Văn T.

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn T 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 07/11/2020.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Hà Văn Đ.

Xử phạt: Bị cáo Hà Văn Đ 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Hà Văn Đ cho Ủy ban nhân dân phường An Phú, thị xã T A, tỉnh Bình Dương để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật này.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật Hình sự:

- Hoàn trả cho bị cáo Hà Văn Đ 01 một đôi giày vải màu xanh đen, 01 quần dài Jean màu đen, 01 áo khoác da màu xám đen, một mũ len màu nâu.

Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 31/12/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Buộc các bị cáo Trần Văn T, Hà Văn Đ mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo. Riêng bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Tòa án tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- THA huyện Đ;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Bộ phận THA phạt tù;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Trịnh Văn Hùng**